

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**

**KHOA KT & QTKD**

Số 468/KTQTKD

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

*Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2015*

## **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA KINH TẾ & QTKD GIAI ĐOẠN 2016-2020, ĐỊNH HƯỚNG 2030**

### **LỜI TỰA**

Đây là bản Chiến lược mang tính đường lối chung, định hướng cho sự phát triển tương lai của Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, trường Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2016-2020, hướng tới năm 2030. Chiến lược này sẽ chỉ ra các mục tiêu khách quan, các con đường, các giải pháp mang tính quy luật mà Khoa KT&QTKD tất yếu phải trải qua để không ngừng phát triển trong thời đại cách mạng khoa học- công nghệ, kinh tế tri thức và hội nhập toàn cầu.

Chiến lược này được biên soạn trên cơ sở nhận thức sâu sắc quy luật phát triển của nền giáo dục đại học thế giới, tổng kết lý luận và thực tiễn phát triển của nền giáo dục đại học Việt Nam trong thời đại hiện nay. Đây là một bước hoàn thiện quan trọng từ phiên bản đầu tiên đã được Chi ủy và Hội đồng khoa học của Khoa và Trường khoa ban hành năm 2007. Khoa KT&QTKD xin trân trọng cảm ơn sự đóng góp của các đồng chí lãnh đạo, các cô giáo, thầy giáo, các đồng chí cán bộ viên chức và các em sinh viên để Chiến lược này không ngừng được hoàn thiện.

Chiến lược này là một trong những văn bản quan trọng nhất trong suốt lịch sử Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Đại học Lâm nghiệp. Tuy nhiên, đây là một văn kiện có tính chất đường lối, chủ trương chung nhằm định hướng các hoạt động của Khoa. Khoa cần có các kế hoạch cụ thể về các mặt công tác. Các Bộ môn, Trung tâm thuộc Khoa sẽ giúp Khoa xây dựng các kế hoạch công tác trong từng thời kỳ, từng năm, trên từng lĩnh vực. Các kế hoạch trên, sau khi được phê duyệt, phải được mọi cá nhân, tập thể trong toàn khoa tích cực thực hiện để biến các chủ trương, định hướng trong Chiến lược này thành hành động thực tiễn.

Với các hoạt động bền bỉ, kiên trì và sáng tạo của các cô giáo, thầy giáo, các cán bộ viên chức và các em sinh viên, theo các kế hoạch công tác của Khoa, theo định hướng- mục tiêu và giải pháp của Chiến lược này, Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Đại học Lâm nghiệp nhất định sẽ không ngừng phát triển, hoàn thành tốt sứ mạng lịch sử vẻ vang mà Đảng, Chính phủ và nhân dân giao cho, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa nước nhà, đặc biệt ở nông thôn miền núi nước ta.

Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh là một trong những khoa lớn của trường Đại học Lâm nghiệp, tiền thân là Khoa Kinh tế Lâm nghiệp được thành lập vào năm 1964. Năm 1995 Khoa được thành lập lại theo Quyết định số 551/TCLĐ, ngày 24/8/1995 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT), trực thuộc Trường Đại học Lâm nghiệp với tên gọi Khoa Quản trị kinh doanh và đến năm 2008 chính thức đổi tên thành Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Khoa Kinh tế & QTKD hiện quản lý 6 ngành học bậc đại học, gồm: Ngành Quản trị kinh doanh (QTKD), Kinh tế, Kinh tế nông nghiệp, Kế toán, Quản lý đất đai và Hệ thống thông tin; 02 ngành học bậc thạc sĩ: Kinh tế nông nghiệp và Quản lý kinh tế; Hàng năm, Khoa Kinh tế & QTKD thu hút một số lượng lớn sinh viên và học viên theo học. Trong giai đoạn từ 2013- 2015, số lượng sinh viên hệ chính quy theo vào học trong các ngành học của Khoa đạt từ 800-1000 sinh viên/khoá, từ 350-400 sinh viên hệ vừa làm vừa học (VLVH) và liên thông lên đại học. Ngoài ra, số lượng học viên theo học trình độ thạc sĩ đạt từ 250- 300 sinh viên/năm.

Khoa Kinh tế & QTKD hiện có tổng 112 cán bộ cơ hữu, trong đó số PGS: 02, tiến sĩ: 9, thạc sĩ: 71, cử nhân: 32. Đội ngũ giảng viên của khoa KT & QTKD hiện có đã đáp ứng tốt yêu cầu trong công tác đào tạo và phục vụ, là yếu tố quan trọng tạo nên chất lượng trong công tác đào tạo của khoa và ngành QTKD.

## **I. BỐI CẢNH**

Bối cảnh hiện tại của Khoa được thể hiện qua các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức sau:

### **1.1. Điểm mạnh (Strengths)**

- Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh là một khoa có qui mô lớn của trường Đại học Lâm nghiệp, phụ trách mảng đào tạo và NCKH về kinh tế - chính sách của Nhà

trường trong bối cảnh Trường ĐHLN là trường đầu ngành của cả nước về lĩnh vực Lâm nghiệp và Phát triển nông thôn, đã và đang được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Chính phủ.

- Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh giữ vai trò quan trọng trong công tác đào tạo sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh thuộc khối ngành Kinh tế,..... trong đó thế mạnh của khoa là đào tạo các chuyên ngành về kinh tế, kế toán và quản trị kinh doanh.

- Khoa đã có bề dày 55 năm đào tạo nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế Nông – Lâm nghiệp phục vụ phát triển nông thôn. Nhiều cựu sinh viên và học viên sau đại học đã và đang giữ các vị trí quan trọng trong hệ thống chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước.

- Đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu đào tạo, số lượng giảng viên (bao gồm cả giảng viên kiêm nhiệm) có trình độ ThS, TS, PGS tốt nghiệp ở nước ngoài ngày càng nhiều và là nhân tố quan trọng để kết nối các hoạt động HTQT trong đào tạo và nghiên cứu.

- Đã duy trì sự phù hợp giữa quy mô đào tạo với các điều kiện đảm bảo chất lượng (Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng tổ chức quản lý,...)

- Khoa có đội ngũ cán bộ viên chức ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; có 1 đội ngũ chuyên gia mạnh về nghiên cứu khoa học có thể tham gia được các đề tài dự án trong và ngoài nước; Tham gia tư vấn cho ngành trong lĩnh vực kinh tế - chính sách; Có thể xuất bản được các bài báo trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

- Đội ngũ giảng viên đa số trẻ, năng động, đang rất quyết tâm và tích cực học tập, có thể được đào tạo tốt để sớm trở thành các chuyên gia giỏi.

- Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học của Khoa (tiếng anh, tiếng việt) đã được đăng trên các tạp chí khoa học uy tín.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của Khoa và Nhà trường đáp ứng quy mô đào tạo và nhu cầu nghiên cứu ứng dụng KH-CN trong lĩnh vực Kinh tế, du lịch và tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, công tác xã hội,...

- Các hoạt động hợp tác của Khoa với các doanh nghiệp ngày càng mở rộng tạo cơ hội thực tập nghề cho sinh viên ngay từ khi đang học tại trường, cơ hội việc làm ngày càng mở rộng cho sinh viên, gắn được đào tạo với thực tiễn.

## **1.2. Điểm yếu (Weaknesses)**

- Chương trình đào tạo chưa thực sự tiếp cận với những tiến bộ khoa học - công nghệ và hội nhập, thiếu trang bị kỹ năng mềm, chưa phát huy năng lực tự học và tính sáng tạo của người học. Chưa có chương trình đạt chuẩn khu vực và chưa có nhiều chương trình có tính cạnh tranh cao.

- Năng lực hội nhập quốc tế của Khoa trong đào tạo và KHCN chưa đáp ứng yêu cầu. Chiến lược hoạt động KHCN và Hợp tác quốc tế chưa thực sự được định kỳ điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

- Sự gắn kết giữa đào tạo SDH với các hoạt động chuyên môn của Khoa còn hạn chế. Chưa thu hút được nhiều SV, HV và NCS tham gia các hoạt động KHCN do GV chưa khai thông được nhiều đề tài nghiên cứu.

- Nghiên cứu khoa học chưa trở thành nhu cầu thực sự của GV. Tỷ lệ GV chủ trì đề tài NCKH trên tổng số GV còn thấp. Một số giảng viên, sinh viên, học viên và NCS chưa tự chủ động trong các hoạt động KHCN.

- Chưa khai thác được lợi thế của khoa để tổ chức các nhóm nghiên cứu liên ngành và hợp tác đối ngoại, trước hết trong lĩnh vực nông – lâm nghiệp.

- Chưa có nhiều kinh nghiệm và năng lực đủ mạnh để tham gia đấu thầu các nhiệm vụ KHCN trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Khoa chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích GV, SV, học viên và NCS tích cực quan hệ, kết nối và tìm kiếm các dự án trong và ngoài nước. Chưa xây dựng được nhiều hợp tác bền vững và hiệu quả với các địa phương, trường, viện NC, doanh nghiệp,...

- Chưa có nhiều chuyên gia có uy tín để tổ chức đào tạo, NCKH, CGCN, dịch vụ KHCN và bồi dưỡng giảng viên trẻ. Chưa có nhiều giảng viên có năng lực kết nối, hợp tác trong nước và nước ngoài. Trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp quốc tế của một số giảng viên còn hạn chế do ngại giao tiếp với người nước ngoài.

## **1.3. Cơ hội (Opportunities)**

- Cuộc cách mạng khoa học-công nghệ trên thế giới, đặc biệt là công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, làm nền tảng cho sự phát triển của kinh tế tri thức, làm thay đổi mạnh mẽ nội dung, phương pháp đào tạo, đồng thời tạo cơ hội cho Khoa dễ dàng tiếp cận được các thành tựu của tri thức nhân loại.

- Toàn cầu hoá là một xu thế tất yếu của thời đại. Đất nước hội nhập ngày càng sâu, rộng vào cộng đồng quốc tế. Các chính sách “mở cửa” của nhà nước ngày càng thông thoáng, tạo cơ hội lớn cho Khoa “đi tắt, đón đầu” để sớm có các chương trình, giáo trình tiên tiến và sớm đào tạo được các chuyên gia trẻ đẳng cấp quốc tế.

- Chủ trương xã hội hoá giáo dục và tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo đang mở ra cho Khoa nhiều cơ hội mới.

- Đất nước ta đang chuyển đổi nhanh chóng và toàn diện sang một nền kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập quốc tế. Nhu cầu đào tạo các cử nhân kinh tế, kinh doanh và quản lý đang bùng nổ để đáp ứng các đòi hỏi của một nền kinh tế chuyển đổi đang tăng trưởng nhanh, tạo ra cho Khoa cơ hội tốt để mở rộng nhanh chóng quy mô đào tạo.

- Luật giáo dục đại học đang từng bước giao quyền tự chủ cho trường đại học.

- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011–2020, Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ 2011–2020, chương trình mục tiêu Phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 – 2020, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

- Sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ NN&PTNT, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, và các cơ quan hữu quan ở TW, địa phương.

- Kinh tế - xã hội tăng trưởng và phát triển, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông.

- Nhu cầu của xã hội về các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng, về nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng giỏi trong hoạt động nghề nghiệp ngày càng tăng và đa dạng.

- Nhu cầu của người học muốn được đào tạo theo các chương trình chất lượng cao trong nước ngày càng tăng.

- Mối liên kết giữa trường đại học với địa phương và doanh nghiệp có xu hướng tăng.

- Lợi thế về điều kiện thiên nhiên, môi trường và là trường hàng đầu về đào tạo các ngành nghề trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

#### **1.4. Thách thức (Threats)**

- Cuộc cách mạng khoa học-công nghệ trên thế giới có thể làm cho khoảng cách về kinh tế và tri thức khoa học-công nghệ giữa Việt Nam và thế giới ngày càng lớn, dẫn đến nguy cơ nước ta, trong đó có các trường đại học bị tụt hậu ngày càng xa.

- Quá trình toàn cầu hoá trên thế giới đang dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các nền kinh tế, giữa các trường đại học trong nước với các trường đại học nước ngoài, giữa các trường đại học trong nước với các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp nước ngoài, các doanh nghiệp liên doanh tại Việt Nam, đòi hỏi Khoa phải có chính sách thu hút nhân tài, chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho hội nhập quốc tế và chống chảy máu chất xám.

- Các khoa học về kinh tế, quản lý và kinh doanh ở nước ta đang ở trong quá trình chuyển đổi, đã thay đổi rất nhanh chóng nhưng vẫn còn tụt hậu rất nhiều so với thế giới. Các cơ chế quản lý kinh tế, kinh doanh, quản lý xã hội còn có nhiều bất cập. Điều đó đang đòi hỏi các Khoa Kinh tế & QTKD, trong đó có Khoa Kinh tế & QTKD của trường Đại học Lâm nghiệp phải đổi mới nhanh chóng chất lượng đội ngũ và nội dung chương trình, phương pháp đào tạo.

- Các tỉnh nông thôn miền núi, địa bàn phục vụ chủ yếu của Khoa đang là những địa phương chậm phát triển, là những vùng nghèo nhất cả nước với mật độ dân trí thấp, chất lượng giáo dục phổ thông yếu. Điều đó, đòi hỏi Khoa có những bước đi và giải pháp phù hợp với thực tế của khu vực tuyển sinh đào tạo.

- Xu hướng phát triển giáo dục đại học đặt ra yêu cầu mỗi Khoa cần đáp ứng đòi hỏi của nền “Kinh tế tri thức” và “cách mạng công nghệ 4.0”.

- Thị trường lao động biến động và phát triển, đòi hỏi trách nhiệm xã hội và năng lực nghiên cứu phát triển của Khoa ngày càng cao.

- Cạnh tranh giữa các Khoa Kinh tế & QTKD trong các trường đại học ngày càng gia tăng.

- Mâu thuẫn giữa nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong khi chi phí cho đào tạo thấp.

- Hệ thống đảm bảo chất lượng cấp quốc gia và chuẩn nghề nghiệp chưa định hình rõ nét.
- Đầu tư của Nhà nước cho đào tạo và khoa học công nghệ còn thấp.
- Trình độ học vấn và thu nhập của dân cư các vùng nông lâm nghiệp còn thấp.
- Việt Nam đã vượt qua nhóm các nước nghèo nhưng năng lực cạnh tranh còn thấp.

## **II. SỨ MẠNG VÀ NHIỆM VỤ**

### **2.1. Sứ mạng**

Sứ mạng của Khoa Kinh tế & QTKD là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học với chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt ở các vùng nông thôn – miền núi.

### **2.2. Nhiệm vụ**

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các trình độ Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ về Kinh tế, Kinh doanh và Quản lý;
- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế-xã hội, các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế ở nông thôn, miền núi và trong cả nước;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn và bồi dưỡng nhằm cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho các nhà doanh nghiệp hoặc cán bộ quản lý các tổ chức kinh tế-xã hội và các địa phương;
- Hợp tác với các trường đại học khác, các viện nghiên cứu, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai các dự án phát triển.

### **2.3. Khẩu hiệu (Slogan)**

**Chất lượng – Hội nhập – Phát triển (Quality – Integration – Development)**

## **III. TÂM NHÌN**

- Giai đoạn 2016 đến 2020, Khoa được biết đến như một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học-công nghệ, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý có uy tín, năng động, giàu tiềm năng và phát triển nhanh chóng.

- Vào năm 2030, Khoa sẽ trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học-công nghệ, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý có uy tín cao, nhiều mặt ngang tầm với các khoa của các trường đại học hàng đầu cùng lĩnh vực đào tạo & NCKH.

#### **IV. MỤC TIÊU**

##### **4.1. Giai đoạn 2016 - 2020**

- Phát triển đội ngũ:

Quy mô giảng viên của Khoa, sẽ là 90 giảng viên với 100% có trình độ sau đại học, trong đó, có 25% là tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư; 75% là thạc sĩ; 20% sử dụng tốt 01 ngoại ngữ cho giảng dạy và nghiên cứu.

- Số chuyên ngành đào tạo:

Khoa sẽ đào tạo 01 chuyên ngành bậc tiến sĩ; 02 chuyên ngành bậc thạc sĩ và 08 chuyên ngành bậc đại học.

- Quy mô đào tạo:

Quy mô đào tạo của Khoa sẽ là: 20 NCS; 300 học viên cao học và 300 đến 500 sinh viên đại học/năm.

- Cơ cấu tổ chức Khoa:

- Thành lập Trung tâm CTXH & PTCĐ
- Thành lập Trung tâm đào tạo, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc khoa;
- Định hướng phát triển khoa theo hướng tự chủ, xây dựng đề án thành lập Viện Kinh tế và Chính sách.

##### **4.2. Mục tiêu đến năm 2030**

- Phát triển đội ngũ: Quy mô giảng viên của Khoa đến năm 2030 sẽ là 90 giảng viên; với 100% có trình độ sau đại học; trong đó có 40% tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư; 60% thạc sĩ; 80% sử dụng tốt 01 ngoại ngữ cho giảng dạy và nghiên cứu.

- Số chuyên ngành đào tạo: Đến năm 2030, Khoa sẽ đào tạo 02 chuyên ngành bậc tiến sĩ; 04 chuyên ngành bậc thạc sĩ và 10 chuyên ngành bậc đại học.

- Quy mô đào tạo: Đến năm 2030 quy mô đào tạo của Khoa sẽ là: 25 nghiên cứu sinh; 400 thạc sĩ và 500 đến 500 sinh viên đại học/năm.

- Chuẩn chất lượng đầu ra: Sinh viên tốt nghiệp đại học đến 2030 phải có:

- Kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp phải đảm bảo chất lượng và cập nhật quốc tế;

- Ngoại ngữ: Tiếng Anh phải đạt chuẩn ngoại ngữ theo qui định của trường Đại học Lâm nghiệp.

- Tin học: Đạt chuẩn tin học theo qui định của trường Đại học Lâm nghiệp.

• Cơ cấu tổ chức Khoa:

- Đẩy mạnh hoạt động có hiệu quả và đi vào chiều sâu của Trung tâm CTXH & PTCD; Trung tâm đào tạo, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc khoa.

- Thành lập Trung tâm tư vấn chính sách trực thuộc Khoa.

- Chuyển đổi xong mô hình tổ chức của Khoa sang Viện Kinh tế & Chính sách.

## **V. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐẾN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Chiến lược phát triển của Khoa đến năm 2020 là thực hiện đồng bộ 10 giải pháp:

1) Đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo; thực hiện liên kết đào tạo trong và ngoài nước, áp dụng và phổ cập chương trình, giáo trình tiên tiến của các trường hàng đầu của Việt Nam và từng bước tiệm cận đến khu vực;

2) Chú trọng đào tạo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đặc biệt là các nhà khoa học đầu ngành;

3) Tăng cường hợp tác quốc tế; coi quốc tế hoá là một con đường cơ bản và liên kết đào tạo quốc tế là khâu đột phá;

4) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;

5) Tiến hành kiểm định chất lượng một số ngành đào tạo;

7) Thực hiện đào tạo đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu xã hội;

8) Thực hiện xã hội hoá giáo dục để khai thác các nguồn lực;

9) Mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp và hướng tới tổ chức học kỳ doanh nghiệp.

10) Đổi mới tổ chức và quản lý

**5.1. Đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo; thực hiện liên kết đào tạo quốc tế; áp dụng chương trình, giáo trình tiên tiến nước ngoài**

**5.1.1. Không ngừng đổi mới chương trình, nội dung đào tạo**

- Khảo sát và dự báo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động và xác định cơ cấu ngành nghề đào tạo phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội của vùng trung du và miền núi Bắc bộ.

- Xây dựng chương trình phù hợp với nhu cầu thực tế, nâng cao khả năng ứng dụng trong bối cảnh bùng nổ thông tin, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

- Giảm thời gian dạy lý thuyết, tăng thời lượng tự nghiên cứu và thực hành, ứng dụng trong phân bổ thời gian giữa các môn lý thuyết và các môn ứng dụng của mỗi ngành đào tạo, trong phân bổ thời lượng giữa hướng dẫn lý thuyết và bài tập thực hành, ứng dụng cho từng môn học.

- Mời các doanh nghiệp, các nhà hoạt động thực tiễn tham gia giảng dạy kinh nghiệm thực tiễn và hướng dẫn thực hành, thực tập.

- Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng kiến thức ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh), tin học và kỹ năng công tác cho sinh viên dưới nhiều hình thức chính thức và phi chính thức. Thành lập và phát huy vai trò của Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học và các Câu lạc bộ Tiếng Anh, Tin học. Tạo một môi trường sinh động, hấp dẫn, linh hoạt để gắn học với hành nhằm nâng cao chất lượng học tập Tiếng Anh và Tin học.

### ***5.1.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo phương châm lấy người học làm trung tâm, học đi đôi với hành, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo.***

- Chuyển đổi mạnh mẽ từ dạy kiến thức là chủ yếu sang dạy phương pháp khai thác thông tin, phương pháp nghiên cứu, phương pháp ứng dụng là chủ yếu;

- Chuyển đổi mạnh mẽ từ dạy lý thuyết là chủ yếu sang dạy kỹ năng tự nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, và kỹ năng thực hành là chủ yếu;

- Giúp sinh viên chuyển đổi từ bị động sang hoàn toàn chủ động, hoàn toàn làm chủ bản thân trong học tập và thi cử.

***5.1.3. Đẩy mạnh đào tạo liên thông và đào tạo theo địa chỉ nhằm phục vụ cho nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp và các địa phương.*** Thiết kế chương trình đảm bảo tính liên thông theo chiều dọc, chiều ngang, giúp người học dễ chuyển đổi nghề nghiệp trong thị trường lao động đầy biến động

***5.1.4. Tăng cường biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo, chuyên khảo và số hoá giáo trình***

**5.1.5. Xúc tiến và đẩy mạnh dạy các môn chuyên môn bằng tiếng Anh.** Áp dụng và phổ cập nhanh chóng việc sử dụng các nội dung cập nhật trong các giáo trình tiên tiến của thế giới cho tất cả các chương trình đào tạo.

**5.1.6. Tăng cường các hình thức bồi dưỡng thường xuyên nhằm cập nhật các kiến thức cho giảng viên, sinh viên.**

Thành lập và phát huy vai trò của Trung tâm Bồi dưỡng Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.

## **5.2. Chú trọng đào tạo đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý**

**5.2.1. Tăng cường cử cán bộ đi học Thạc sĩ và Tiến sĩ, trong và ngoài nước theo quy hoạch, kế hoạch với các chế tài đủ mạnh.**

Thực hiện mục tiêu đến năm 2020 có 20 tiến sĩ, năm 2030 có 40 tiến sĩ.

**5.2.2. Xây dựng thực hiện Đề án đào tạo và bồi dưỡng ngoại ngữ, trước hết là tiếng Anh cho giảng viên và cán bộ quản lý.** Thực hiện mục tiêu đến năm 2030, tất cả các giảng viên có thể sử dụng tốt ít nhất 01 ngoại ngữ cho giảng dạy và nghiên cứu.

**5.2.3. Đào tạo đội ngũ giáo viên các bộ môn theo chuẩn kiến thức quốc tế thông qua phổ cập hoá nội dung của các giáo trình tiên tiến nước ngoài cho từng môn học.**

**5.2.4. Mở các lớp đào tạo về Internet và Thư viện điện tử cho giảng viên và sinh viên nhằm khai thác tối đa kho tàng tri thức trên mạng.**

**5.2.5. Tăng cường mời các nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế, các nhà hoạt động thực tiễn, các nhà doanh nghiệp thành công tham gia giảng dạy và phối hợp nghiên cứu, hội thảo, chuyển giao khoa học-công nghệ.**

## **5.3. Tăng cường hợp tác quốc tế**

**5.3.1. Tổ chức triển khai các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, do nước ngoài cấp bằng cho tất cả các ngành đào tạo.**

**5.3.2. Nhập khẩu chương trình, giáo trình tiên tiến nước ngoài.** Nhanh chóng phổ cập các giáo trình tiên tiến nước ngoài đã nhập khẩu được cho tất cả các chương trình đào tạo.

**5.3.3. Liên kết đào tạo theo hình thức liên thông, hoặc trao đổi sinh viên theo hình thức Sandwich và Exchange với các trường đại học nước ngoài.**

**5.3.4. Đẩy mạnh trao đổi học thuật, tổ chức hội thảo quốc tế và trao đổi giáo viên với nước ngoài.**

5.3.5. Chú trọng đến nội dung tăng cường năng lực trong hợp tác quốc tế; cử người đi học thạc sĩ, tiến sĩ nước ngoài; chú trọng bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ trong khuôn khổ các dự án.

5.3.6. Mời các giáo sư nước ngoài đến giảng dạy chuyên môn và mời giáo viên tiếng Anh từ các nước nói tiếng Anh sang dạy tiếng Anh cho giáo viên và sinh viên.

#### **5.4. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ**

5.4.1. Xây dựng các định hướng nghiên cứu khoa học xuất phát từ thực tiễn nhằm phục vụ cho nhu cầu quản lý kinh tế, phát triển kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, của các địa phương, của nền kinh tế quốc dân;

5.4.2. Đề xuất và thực hiện các hợp đồng nghiên cứu và chuyển giao với các doanh nghiệp, các địa phương, các bộ ngành hoặc gắn với đổi mới nội dung chương trình đào tạo và hợp tác quốc tế;

5.4.3. Gắn triển khai các dự án nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với đào tạo và bồi dưỡng kiến thức nhằm tăng cường năng lực quản lý kinh tế cho các doanh nghiệp và các địa phương;

5.4.4. Xây dựng hồ sơ khoa học cho tất cả các giảng viên trên website để cung cấp các kết quả nghiên cứu khoa học ở file điện tử làm tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên toàn trường;

5.4.5. Tăng cường nghiên cứu khoa học cho sinh viên để bồi dưỡng khả năng sáng tạo về chuyên môn;

5.4.6. Tổ chức các cuộc hội thảo các cấp: khoa, trường, quốc gia, quốc tế để giảng viên, sinh viên có dịp trao đổi, học tập các chuyên gia kinh tế nổi tiếng Việt Nam và thế giới.

5.4.7. Có chính sách khuyến khích giáo viên Nhà trường tham gia các hội thảo quốc gia, quốc tế và xuất bản sách, đăng bài kết quả nghiên cứu của thầy và trò trên các tạp chí quốc gia, quốc tế.

#### **5.5. Xây dựng cơ sở vật chất**

- Tăng cường trang thiết bị công nghệ thông tin đủ cho nhu cầu quản lý của khoa, nhu cầu dạy và học theo phương pháp tiên tiến, cũng như nhu cầu nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. Xây dựng các phòng thực hành

vi tính, các phòng nghiên cứu với các phần mềm mô phỏng các hoạt động kinh tế, kinh doanh và quản lý.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý của Khoa, khai thác có hiệu quả mạng intranet/internet/website và các phần mềm quản lý phục vụ cho công tác điều hành, đối nội, đối ngoại thường xuyên của Nhà trường.

- Nâng cấp website của Khoa. Xây dựng trang tiếng Anh để giới thiệu Khoa với nước ngoài. Khai thác triệt để Website cho công tác quản lý của Khoa. Biến Website của trường thành một kho học liệu mở với các giáo trình, giáo án điện tử của tất cả các môn học, thành nơi chia sẻ các thông tin khoa học, các kết quả nghiên cứu của các thầy cô giáo và là công cụ để thực hiện E-learning.

- Tích cực xây dựng và tìm kiếm nguồn tài trợ cho các dự án tăng cường cơ sở vật chất cho Khoa nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

## **5.6. Đảm bảo chất lượng trường đại học và chương trình đào tạo gắn với thi đua và thanh tra**

5.6.1. Thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

5.6.2. Gắn công tác đảm bảo chất lượng với công tác thi đua. Chuẩn bị minh chứng cho kiểm định chất lượng cũng đồng thời là chuẩn bị minh chứng cho đánh giá thi đua của từng cá nhân, từng bộ phận trong Khoa.

5.6.3. Gắn công tác đảm bảo chất lượng/ công tác thi đua với công tác thanh tra. Tổ chức thanh tra định kỳ để kiểm tra tiến độ thực hiện các tiêu chí thi đua- mức độ đảm bảo chất lượng (kiểm tra minh chứng) ở từng bộ phận trong Khoa.

5.6.4. Gắn công tác thi đua- đánh giá hiệu quả công tác với công tác chi thưởng lương nội bộ.

## **5.7. Đào tạo đạt chuẩn đầu ra và theo nhu cầu xã hội**

5.7.1. Công bố chuẩn đầu ra cho sinh viên về chuyên môn, ngoại ngữ và tin học (áp dụng cho sinh viên chính quy tốt nghiệp từ năm 2020). Miễn học tập các môn Tin học, Ngoại ngữ cho các sinh viên đã đạt chuẩn đầu ra để họ có thời gian học tập theo các chương trình nâng cao nên khi ra trường đạt chuẩn chất lượng cao hơn nhằm cung cấp các nhân tài cho xã hội.

5.7.2. Phát huy vai trò của Bộ môn Ngoại ngữ và Tin học nhằm đáp ứng mọi nhu cầu cập nhật, nâng cao kiến thức và kỹ năng của sinh viên.

5.7.3. Đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học-công nghệ, hợp tác quốc tế căn cứ vào yêu cầu của thực tiễn, trước hết là thực tiễn xoá đói giảm nghèo, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững ở nông thôn miền núi.

5.7.5. Coi trọng ý kiến của các chuyên gia đào tạo, các nhà tuyển dụng (các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế-xã hội, các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế), đánh giá của sinh viên, phản hồi của các cựu sinh viên và nguyện vọng của công chúng.

## **5.8. Thực hiện xã hội hoá giáo dục, khai thác mọi nguồn lực để phát triển Khoa**

5.8.1. Xây dựng kế hoạch phát triển và kế hoạch tài chính hàng năm của đơn vị

5.8.2. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và cơ chế tài chính theo hướng tự chủ tài chính, hạch toán minh bạch các nguồn thu chi.

5.8.3. Thực hiện xã hội hoá giáo dục-đa dạng hoá các nguồn thu, trong đó tăng nhanh chóng tỷ trọng thu ngoài ngân sách.

## **5.9. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ viên chức và sinh viên**

- Tăng cường các hoạt động đào tạo: liên kết quốc tế, vừa làm vừa học, liên thông, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ năng, ngoại ngữ, tin học theo nhu cầu xã hội, tăng cường nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế nhằm tăng nguồn thu cho Khoa;

- Có chính sách tài chính hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế;

- Có chính sách hỗ trợ cán bộ, viên chức đi học nâng cao trình độ đặc biệt là chính sách hỗ trợ giảng viên làm nghiên cứu sinh và học ngoại ngữ.

- Có chính sách hỗ trợ cán bộ giảng viên thu nhập thấp

- Có chính sách thưởng lương nội bộ dựa vào hiệu quả công tác của cán bộ viên chức.

- Đảm bảo phúc lợi của cán bộ viên chức không ngừng tăng lên, năm sau cao hơn năm trước

- Có chính sách hỗ trợ học bổng cho sinh viên xuất sắc, sinh viên nghèo vượt khó

- Đầu tư hợp lý cho các hoạt động phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao của cán bộ viên chức và sinh viên

- Đầu tư hợp lý để tổ chức các hoạt động nghỉ hè, nghỉ mát cho cán bộ viên chức và các hoạt động ngoại khoá của sinh viên

### **5.10. Đổi mới tổ chức và quản lý, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng Khoa “kỷ cương, tình thương và trách nhiệm”**

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Chi bộ, vai trò chỉ đạo của chính quyền, sự tham gia quản lý và động viên quần chúng của các tổ chức đoàn thể.

- Thực hiện dân chủ hoá trường học. Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, phát huy vai trò trung tâm của sinh viên, vai trò làm chủ của sinh viên, giảng viên và cán bộ phục vụ đào tạo.

- Không ngừng đổi mới và sáng tạo trong quản lý: Đổi mới công tác thi đua, công tác kế hoạch, xây dựng và triển khai các đề án công tác từng mặt.

## **VI. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỜI KỲ 2016-2020**

6.1. Tích cực mở ngành: Mở thêm 02 chuyên ngành đại học: Quản lý công; Thương mại Điện tử.

6.2. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo theo học chế tín chỉ. Mở rộng liên kết đào tạo quốc tế. Mở rộng các hệ đào tạo liên thông dọc, ngang, văn bằng 2 và đào tạo theo địa chỉ.

6.3. Áp dụng và chuẩn bị phổ cập chương trình, giáo trình tiên tiến nước ngoài. Đẩy mạnh biên soạn và số hoá giáo trình. Hoàn thành bài giảng điện tử cho tất cả các môn học và đưa lên website.

6.4. Đẩy mạnh đào tạo ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, tin học cho giảng viên, cán bộ quản lý và sinh viên. Cử nhiều giảng viên đi học thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước. Thành lập và phát huy vai trò của các Bộ môn Ngoại ngữ-Tin học, Trung tâm thực hành tin học để bồi dưỡng kiến thức ngoại ngữ, tin học và chuyên môn cho giảng viên, cán bộ phục vụ đào tạo và sinh viên.

6.5. Tích cực mở rộng hợp tác quốc tế trong liên kết đào tạo và tư vấn du học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và tổ chức hội thảo quốc tế.

6.6. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Lâm nghiệp cho phép Trường triển khai chương trình tiên tiến.

6.7. Mở rộng hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với các địa phương.

6.8. Khẩn trương triển khai công tác tự đánh giá, tích cực chuẩn bị đánh giá ngoài năm 2020 và gắn với xây dựng áp dụng bộ tiêu chí thi đua và thanh tra giáo dục.

## **VII. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỜI KỲ 2020-2030**

7.1. Tích cực mở ngành:

- Mở thêm ngành đào tạo Tiến sĩ cho các ngành đào tạo: Quản lý kinh tế
- Mở thêm các ngành thạc sĩ: Quản lý công
- Mở thêm các ngành cử nhân:

7.2. Mở rộng liên kết đào tạo quốc tế cho các khối ngành

7.3. Tiến hành phổ cập tiếng Anh và tin học cho giảng viên, cán bộ trẻ, đảm bảo phần lớn các cán bộ, giảng viên trẻ đủ sức hội nhập quốc tế: khai thác thông tin trên mạng phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đi học thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước.

7.4. Tích cực mở rộng hợp tác quốc tế trong liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ và tổ chức hội thảo quốc tế. Mời giảng viên thỉnh giảng nước ngoài và cử nhiều giáo viên ra nước ngoài giảng dạy và nghiên cứu.

7.5. Gắn nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với nhu cầu của các doanh nghiệp, địa phương và nền kinh tế quốc dân.

7.6. Tăng cường hợp tác với các bên liên quan, đặc biệt là với các doanh nghiệp

7.7. Triển khai kiểm định các chương trình đào tạo

## **VIII. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN THAM GIA**

### **8.1. Trường Khoa và các Phó Trường Khoa:**

- Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện các đề án cụ thể để thực hiện Chiến lược.

- Chỉ đạo xây dựng các kế hoạch công tác nhằm thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong từng thời kỳ, từng năm nhằm từng bước đạt tới các mục tiêu chiến lược.

- Là cầu nối, phổ biến, truyền đạt các chủ trương chiến lược của Đại học Lâm nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đảng, Chính phủ tới cán bộ viên chức, sinh viên toàn trường.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch hành động hàng năm của từng bộ phận và của toàn Khoa.

### **8.2. Các Bộ môn, Trung tâm**

- Chủ động xây dựng, đề nghị Khoa phê duyệt, sau đó tổ chức thực hiện kế hoạch hành động cho từng thời kỳ, từng năm của Khoa nhằm thực hiện Chiến lược trong lĩnh vực mà bộ phận mình phụ trách gồm:

- + Mục tiêu dài hạn cần đạt: nội dung thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu
- + Lộ trình thời gian kèm theo các mục tiêu trung hạn, ngắn hạn.
- + Bộ phận chủ trì và bộ phận phối hợp kèm theo phân chia công việc.
- + Biện pháp triển khai thực hiện kèm theo nhân lực, vật lực, tài lực cần thiết để thực hiện

- Chủ động sáng tạo đề xuất các giải pháp, các chính sách phát triển Khoa, phát triển bộ phận và chủ động sáng tạo tổ chức thực hiện trong khuôn khổ pháp luật quy định

- Trưởng Khoa/Phòng ký Hợp đồng trách nhiệm với các Trưởng Bộ môn/Bộ phận để cam kết thực hiện các tiêu chí thi đua kèm đảm tiêu chí bảo chất lượng và định kỳ kiểm tra đánh giá để có biện pháp trợ giúp.

### **8.3. Mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên**

- Nêu tấm gương sáng về đạo đức
- Không ngừng học tập trau dồi kiến thức, kỹ năng, đổi mới phương pháp làm việc để nâng cao chất lượng công tác
- Không ngừng sáng tạo, đóng góp nhiều ý kiến cải tiến cho Bộ môn/ Bộ phận, và Khoa.

### **8.4. Đại học Lâm nghiệp**

- Phê duyệt kế hoạch chiến lược của Khoa
- Hỗ trợ về cơ chế chính sách, tài chính và nhân lực để Khoa có thể thực hiện được các mục tiêu chiến lược đã đặt ra;
- Thay mặt Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ NN & PTNT quản lý nhà nước các hoạt động giáo dục và đào tạo của Khoa;
- Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho Khoa và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Khoa phát triển;
- Là đầu mối giúp Khoa có các mối liên hệ nhằm tìm kiếm các nguồn lực phát triển Khoa.
- Cho phép và ủng hộ Khoa năng động, chủ động tìm kiếm, khai thác các nguồn lực từ bên ngoài Đại học Lâm nghiệp phục vụ cho phát triển của Khoa.

### **8.5. Các nhà tuyển dụng lao động**

Các nhà tuyển dụng lao động do Khoa đào tạo ra (gồm các bộ, ngành như Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Công Thương, Bộ Văn hoá-Thể thao-Du lịch, Bộ Tài Nguyên-Môi trường..., UBND các tỉnh, các Sở ban ngành cấp tỉnh, các huyện trong vùng, các doanh nghiệp) cần:

- Đặt hàng về các nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học phục vụ cho sự phát triển của ngành, của địa phương và doanh nghiệp.

- Cử các chuyên gia giỏi tham gia vào quá trình đào tạo của Khoa: tham gia giảng dạy các kinh nghiệm thực tế, tham gia hướng dẫn sinh viên thực tập, tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Hỗ trợ tài chính để thực hiện các chương trình liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

### **8.6. Sinh viên và cựu sinh viên**

- Sinh viên ra sức học tập và rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp. Cựu sinh viên tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng và tự nghiên cứu nhằm thường xuyên cập nhật các kiến thức mới.

- Cựu sinh viên giữ mối liên hệ mật thiết với Khoa, là cầu nối giữa Khoa với các bộ, ban ngành trung ương, các địa phương và các doanh nghiệp, hỗ trợ nhà trường trong xác định nhu cầu đào tạo; tham gia phổ biến kiến thức và kinh nghiệm cho sinh viên, nhất là sinh viên thực tập.

- Sinh viên và cựu sinh viên tham gia góp ý nhằm cải tiến nội dung, chương trình đào tạo và các giải pháp phát triển của Khoa; tự hào về truyền thống của Khoa và tham gia quảng bá thương hiệu của Khoa.

**TRƯỞNG KHOA**

**PGS.TS Trần Hữu Đào**